

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 334/2024/DSST

Ngày: 09/8/2024

V/v tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kiều Oanh;**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Chính;**

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa;**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang:**  
Không tham gia.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLST- DS ngày 15 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST – DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Lê Trường X, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 147/11/6 Trần Thị Thơm, phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ngô Thị Ngọc H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc P là anh Lê Trường X có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh X trình bày: Giữa chị P và bà H có mối quen biết nhau, bà H cũng đang gặp khó khăn nên chị P có đồng ý cho bà H vay tiền. Khi vay tiền, giữa chị P và bà H có ký với nhau hợp đồng vay tiền, cụ thể “Ngày 01/8/2021, bà H có viết giấy cho mượn tiền để vay của chị P 1.640.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng”. Bà H đã nhận tiền đầy đủ nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả đủ gốc và lãi cho chị P, chị P có đến gặp bà H để yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H chỉ hứa hẹn chứ không có trả. Nay chị P yêu cầu như sau:

Buộc bà Ngô Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền vay là 1.640.000.000 đồng và lãi chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01/8/2021 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 09/8/2024 là 03 năm tương đương  $1.640.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm} = 492.000.000 \text{ đồng}$  (Do chị P không chứng minh được việc cho vay có tính lãi nên chị P thay đổi yêu cầu tính lãi suất từ 1,66%/tháng thành 10%/năm). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

\* Bị đơn bà Ngô Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc P là anh Lê Trường X có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Ngô Thị Ngọc H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Buộc bà Ngô Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền vay là 1.640.000.000 đồng và lãi chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01/8/2021 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 09/8/2024 là 03 năm tương đương  $1.640.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm} = 492.000.000 \text{ đồng}$ . Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Thị Ngọc P có cho bà Ngô Thị Ngọc H vay tiền, có làm biên nhận và phía chị P có cung cấp biên nhận bản chính cho Tòa án. Trong suốt quá trình tố tụng, bà H vắng mặt không đến Tòa án mặc dù được tổng đạt trực tiếp hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị P, chứng tỏ bà H đã từ bỏ quyền lợi của mình, không phản đối gì đối với yêu cầu của chị P, chị P có đòi nhiều lần nhưng bà H không trả. Như vậy, chị P yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả 1.640.000.000 đồng tiền vay là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Qua xem xét, việc yêu cầu tính lãi là phù hợp cần chấp nhận. Như vậy, lãi suất được tính như sau:  $1.640.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm} = 492.000.000 \text{ đồng}$ .

Thời hạn trả nợ: Chị P yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Ngô Thị Ngọc H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng do bà H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc P.

Buộc bà Ngô Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc P số tiền 2.132.000.000 đồng (*Hai tỷ, một trăm, ba mươi hai triệu đồng*), trong đó vốn vay là 1.640.000.000 đồng, lãi suất là 492.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về án phí:**

+ Bà Ngô Thị Ngọc H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị Lê Thị Ngọc P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.022.700 đồng theo biên lai thu tiền số 0009289 ngày 13/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

*“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Kiều Oanh**